

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý sơ thẩm số 263/2021/TLST-VHNGĐ ngày 24/03/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh N T P , sinh năm: 1970;

Địa chỉ: D5/12, ấp 4, xã TK,HBC,TPHCM .

2. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Tô Minh Nga**, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: D5/12, ấp 4, xã TK,HBC,TPHCM .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Anh N T P và Chị T M N đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 11, do Ủy ban nhân dân xã TK,HBC,TPHCM cấp ngày 02/02/2021 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận có 02 con chung tên N T N T , sinh ngày: 20/5/1992 (đã trưởng thành) và N T B , sinh ngày: 12/7/1994 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh N T P và Chị T M N cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, đối thoại thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh N T P và Chị T M N đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 11, do Ủy ban nhân dân xã TK,HBC,TPHCM cấp ngày 02/02/2021 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận có 02 con chung tên N T N T , sinh ngày: 20/5/1992 (đã trưởng thành) và N T B , sinh ngày: 12/7/1994 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N T P và Chị T M N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh N T P và Chị T M N cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh Phong đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0081198 ngày 24/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Anh Phong và chị Nga đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương